TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày 27-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hồng Hải.

Ông Phạm Kiên Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Đặng Dương Vĩnh T, sinh năm: 1986.

Cư trú tại: đường N, Khóm B, Phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1978 "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Cư trú tại: Khóm N, Phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2023).

* Đồng bị đơn: - Anh Đoàn Đăng K, sinh năm: 1989 "có mặt".

- Chị Huỳnh Thị T, sinh năm: 1989 "có mặt".

Cùng cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2023 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Vào ngày 01/11/2022 anh Đặng Dương Vĩnh T có hợp đồng bán hàng hóa phục vụ cho việc trang trí nội, ngoại thất cho vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T, theo hợp đồng anh T sẽ giao hàng cho vợ chồng anh K và chị T, trong thời hạn từ 20 ngày đến 30 ngày thì vợ chồng anh K và chị T phải trả đủ tiền cho anh T. Hai bên không có làm văn bản hợp đồng. Sau khi hợp đồng anh T đã giao hàng cho vợ chồng anh K và chị T từ ngày 01/11/2022 đến ngày 27/11/2022 với tổng số tiền là 58.237.000 đồng, sau đó vợ chồng anh K và chị T không hoàn trả tiền theo hợp đồng, nên vào ngày 29/12/2022 anh T có yêu cầu vợ chồng anh K và chị T trả tiền thì vợ chồng K và chị T hẹn đến ngày 10/02/2023 sẽ trả đủ tiền cho anh T. Anh K có ký tên vào giấy hẹn trả nợ cho anh T, nhưng từ đó đến nay vợ chồng anh K và chị T chưa hoàn trả số tiền nào cho anh T.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu vợ chồng anh K và chị T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng và tiền lãi của số tiền 58.237.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn là anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cùng trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2022 vợ chồng anh K và chị T có thuê anh Huỳnh Văn N xây dựng 01 căn nhà cấp II cho anh K và chị T. Khi hợp đồng xây nhà thì anh N đề nghị vợ chồng anh K và chị T mua hàng hóa nội thất và ngoại thất của anh Đặng Dương Vĩnh T, anh N đứng ra bảo lãnh nợ cho vợ chồng anh K và chị T với anh T. Theo hợp đồng thì vợ chồng anh K và chị T đặt hàng mua của anh T tổng số tiền là 58.237.000 đồng, sau khi nhận đủ hàng thì 01 tháng sau vợ chồng anh K và chị T sẽ trả đủ tiền cho anh T. Hai bên không có làm văn bản hợp đồng. Sau đó anh T đã giao hàng theo hợp đồng cho vợ chồng anh K và chị T với tổng số tiền là 58.237.000 đồng. Đến tháng 12 năm 2022 vợ chồng anh K và chị T đã giao cho anh N số tiền 59.000.000 đồng để trả cho anh T, nhưng anh N không trả cho anh T, mà nói ngược là không có nhận tiền của vợ chồng anh K và chị T.

Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng anh K và chị T thừa nhận còn nợ anh T số tiền 58.237.000 đồng, vợ chồng anh K và chị T thống nhất hoàn trả cho anh T số tiền 58.237.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày hôm nay, anh K và chị T xin trả dần trong 03 năm trả dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn,

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu đồng bị đơn là vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn anh Đặng Dương Vĩnh T tổng số tiền gốc 58.237.000 đồng và tiền lãi của số tiền 58.237.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Vợ chồng anh K và chị T thống nhất hoàn trả cho anh T số tiền gốc là 58.237.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày hôm nay. Xét thấy, việc anh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ và phù hợp pháp luật, anh K và chị T cũng thống nhất trả tiền lãi cho anh T theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày hôm nay, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc vợ chồng anh K và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T số tiền nợ gốc là 58.237.000 đồng và tiền lãi của số tiền 58.237.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2023 của nguyên đơn anh Đặng Dương Vĩnh T thì anh T kiện vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T là đồng bị đơn cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn trả nợ tiền mua bán hàng hóa trang trí nội, ngoại thất, nên Hội đồng xét xử xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Nguyễn Thị Thu T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Anh Đặng Dương Vĩnh T và vợ chồng anh Đoàn Đăng K, chị Huỳnh Thị T cùng trình bày: anh T có hợp đồng bán hàng hóa trang trí nội, ngoại thất

cho vợ chồng anh K và chị T, theo hợp đồng thì anh T sẽ giao hàng cho vợ chồng anh K và chị T, 01 tháng sau thì vợ chồng anh K và chị T phải trả đủ tiền cho anh T. Hai bên không có làm văn bản hợp đồng. Sau khi hợp đồng anh T đã giao đủ hàng theo hợp đồng cho vợ chồng anh K và chị T với tổng số tiền là 58.237.000 đồng, 01 tháng sau vợ chồng anh K và chị T không trả tiền cho anh T theo hợp đồng. Vào ngày 29/12/2022 vợ chồng anh K và chị T hẹn đến ngày 10/02/2023 sẽ trả đủ tiền cho anh T, nhưng từ đó đến nay vợ chồng anh K và chị T chưa hoàn trả số tiền nào cho anh T.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: mặc dù hợp mua bán tài sản giữa anh Đặng Dương Vĩnh T và vợ chồng anh Đoàn Đăng K, chị Huỳnh Thị T không lập thành văn bản, nhưng anh T và vợ chồng anh K, chị T cùng thừa nhận có hợp đồng mua bán với nhau, cụ thể anh T có hợp đồng bán hàng hóa phục vụ cho việc trang trí nội, ngoại thất cho vợ chồng anh K và chị T. Tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng mua bán anh T và vợ chồng anh K, chị T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu của anh Đặng Dương Vĩnh T yêu cầu vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay.

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng của anh Đặng Dương Vĩnh T:

Giữa anh Đặng Dương Vĩnh T và vợ chồng anh Đoàn Đăng K, chị Huỳnh Thị T đã tự nguyện thực hiện giao dịch mua bán với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên bán giao đủ số lượng và chất lượng hàng cho vợ chồng anh K và chi T, còn vợ chồng anh K và chi T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho anh T theo hợp đồng là 58.237.000 đồng. Vào 29/12/2022 vợ chồng anh K và chị T hẹn đến ngày 10/02/2023 sẽ trả đủ tiền cho anh T. Anh K có ký tên vào giấy hẹn trả nợ cho anh T, nên đây là tình tiết anh T không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vợ chồng anh K và chi T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, nên anh T yêu cầu vợ chồng anh K và chi T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 58.237.000 đồng cho anh T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán của anh T, xử buộc vợ chồng anh K và chi T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T số tiền 58.237.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay trên số tiền nợ gốc là 58.237.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm của anh Đặng Dương Vĩnh Thịnh:

Anh Đặng Dương Vĩnh T yêu cầu vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T phải trả tiền lãi của số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng kể từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay; vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cũng thống nhất hoàn trả tiền lãi cho anh T theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/02/2023 cho đến ngày hôm nay.

Xét thấy: vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T là bên mua tài sản không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, anh T yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ và phù hợp pháp luật, vợ chồng anh K và chị T cũng thống nhất hoàn trả tiền lãi cho anh T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử buộc vợ chồng anh K và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T tiền lãi của số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng theo lãi suất 10%/tháng kể từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay là 07 tháng 16 ngày. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

58.237.000 đồng x 10%/năm x 7 tháng 16 ngày = 3.452.572 đồng.

Như vậy tiền lãi phát sinh tính đến ngày hôm nay là 3.452.572 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, đã có đủ căn cứ để xác định vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T còn nợ anh Đặng Dương Vĩnh T số tiền nợ gốc trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày hôm nay là 3.452.572 đồng, tổng cộng là 61.689.572 đồng, nên Hội đồng xét xử buộc anh K và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T số tiền là 61.689.572 đồng.

[5] Đối với ý kiến của vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T xin trả dần 03 năm dứt nợ. Xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tại phiên tòa: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Dương Vĩnh T, buộc vợ chồng anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh T số tiền nợ gốc trong hợp đồng mua bán là 58.237.000 đồng và tiền lãi của số tiền 58.237.000 đồng theo mức lãi suất 10%/tháng kể từ ngày 11/02/2023 cho đến hôm nay. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.084.478 đồng án phí dân sự sơ

thẩm; anh Đặng Dương Vĩnh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.455.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009154 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 398, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Dương Vĩnh T.

Xử buộc anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Đặng Dương Vĩnh T số tiền gốc và lãi là 61.689.572 đồng (*sáu mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Đặng Dương Vĩnh T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T không thực hiện việc trả nợ thì anh K và chị T còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Đoàn Đăng K và chị Huỳnh Thị T phải nộp 3.084.478 đồng (*ba triệu không trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; anh Đặng Dương Vĩnh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.455.000 đồng *(một triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009154 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

3. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; đồng bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.